

Số: 3534/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua sắm trang thiết bị y tế
của trung tâm y tế và trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 26/11/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 32/2015/NĐ-CP ngày 23/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-BYT ngày 22/3/2004 của Bộ Y tế về việc sửa đổi danh mục trang thiết bị y tế trạm y tế xã có bác sỹ vào danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và tủ y tế thôn bản ban hành kèm theo Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20/02/2002 của Bộ Y tế ;

Căn cứ Quyết định số 4336/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tăng cường trang thiết bị y tế hệ thống y tế dự phòng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1545/SYT-KHTC ngày 27/7/2017; của Sở Tài chính tại Công văn số 3623/STC-QLNS.TTK ngày 28/8/2017 (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Kế hoạch và Đầu tư),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua sắm trang thiết bị y tế của trung tâm y tế và trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2018, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: mua sắm trang thiết bị y tế của trung tâm y tế và trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2018.

2. Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: bổ sung trang thiết bị y tế cần thiết cho các đơn vị y tế dự phòng, các trạm y tế xã, phường, thị trấn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tại tuyến cơ sở và làm tốt công tác y tế dự phòng.

4. Quy mô đầu tư

- Đầu tư mua sắm 29 trang thiết bị y tế cơ bản cho 39 trạm y tế xã, phường, thị trấn chưa có đủ trang thiết bị y tế theo quy định.

- Đầu tư trang bị máy siêu âm cho 62 trạm y tế xã có bác sỹ đã được cấp chứng chỉ học siêu âm thuộc các xã 135, miền núi, địa hình đi lại khó khăn, cách xa trung tâm, bệnh viện đa khoa huyện và có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ kỹ thuật y tế phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế cho các trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, huyện.

5. Danh mục trang thiết bị y tế và đơn vị sử dụng: chi tiết có Phụ lục 1, 2 kèm theo.

6. Nhóm dự án: Nhóm C

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 24.000 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: từ nguồn thu xổ số kiến thiết hàng năm.

9. Dự kiến thời gian thực hiện: năm 2017 - 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Y tế (chủ đầu tư) căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị mình; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện để chủ đầu tư triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục 1: DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRANG BỊ CHO CÁC TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN GIAI ĐOẠN 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 3534 /QĐ-UBND ngày 19 /9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Danh mục Trạm Y tế																																
		Giường bệnh nhân inox kèm giá inox	Huyết áp kế	Máy xông khí dung	Máy hút điện	Bóp bóng người lớn	Bóp bóng trẻ em	Bộ tiểu phẫu 21 chi tiết	Bộ khám T-M-H	Bộ kim nhổ răng trẻ em	Bộ khám răng (khay quả đậu, gương, gắp)	Bộ lấy cao răng bằng tay	Bảng đo khám thị lực	Bộ đỡ đẻ Inox	Bộ khám phụ khoa	Bộ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ bình oxy xách tay có đồng hồ	Nồi hấp áp lực 18 lít điện	Nồi luộc dụng cụ điện	Tủ sấy điện cỡ nhỏ	Máy nghe tim thai	Tủ lạnh 150 lít	Máy thử đường huyết	Đèn bàn khám bệnh	Bàn tiểu phẫu	Máy xét nghiệm nước tiểu	Đèn hồng ngoại	Cáng tay	Xe đẩy cấp phát thuốc	Bàn đựng dụng cụ	Máy siêu âm chẩn đoán loại xách tay	Tổng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
	T.P Thanh Hóa	6	6	6	6	5	5	6	6	6	6	6	5	6	4	6	6	6	6	6	6	6	6	2	5					4	3		
1	P. Trường Thi	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1							1			
2	P. Điện Biên	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1			
3	P. Phú Sơn	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1								
4	Xã Quảng Tâm		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1					1			
5	Xã Đông Lĩnh	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1								
6	Xã Đông Hưng																															1	
7	Quảng Đông	2	1	1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1			
8	Hoàng Đại																															1	
9	Quảng Phú																															1	
	TP Sầm Sơn	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2			
10	Quảng Thọ	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1				
11	Quảng Minh																															1	
12	Quảng Châu																															1	
	Bỉm Sơn																															2	
13	Ngọc Trạo																															1	
14	Phú Sơn																															1	
	Nga Sơn	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1							1		
15	Thị trấn Nga Sơn	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1								1	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
16	Nga Trường																															1
	Hà Trung	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	3	2	1	3	3
17	Hà Giang																								1	1				1	1	
18	Hà Dương	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1		1	1				
19	Thị trấn Hà Trung																									1	1	1	1			
20	Hà Vinh																															1
21	Hà Bắc																															1
22	Hà Phú																															1
	Hoảng Hóa	10	5	4	3	4	4	4	5	4	5	5	3	5	5	5	5	4	5	3	5	4	5		1		1	1		1	2	
23	Hoảng Phương	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1							
24	Hoảng Quý	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1									
25	Hoảng Hà	2	1	1		1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1				1	1				
26	Hoảng Thắng	2	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1							1		
27	Thị trấn	2	1	1						1		1		1	1	1	1		1		1	1	1									
28	Hoảng Lộc																															1
29	Hoảng Giang																															1
	Hậu Lộc																															3
30	Câu Lộc																															1
31	Liên Lộc																															1
32	Phong Lộc																															1
	Quảng Xương	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	2		
33	Quảng Lưu																															1
34	Quảng Ngọc																															1
35	Quảng Hợp	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1			
	Đông Sơn																															1
36	Đông Tiên																															1
	Nông Công																															3
37	Tê Lợi																															1
38	Tân Khang																															1
39	Công Bình																															1
	Thọ Xuân	6	5	3	2	3	4	5	3	5	5	5	1	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5	1	1		4		2	2		
40	Thọ Minh	2	1	1		1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1					
41	Xuân Yên		1				1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1		
42	Xuân Lập	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1					
43	Thọ Thắng	2	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1			1		
44	TT Thọ Xuân		1	1	1			1	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	1	1									
45	Lam Sơn																															1
46	Xuân Sơn																															1

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	Tỉnh Gia	5	3	3	3	3	3	5	4	5	5	5	3	5	5	5	4	5	4	3	5	0	5	3	2		4	4	3		3	
47	Thanh Sơn	2	1	1				1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1		1	1	1			1	1			
48	Ngọc Lĩnh	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1		1	1			1	1				
49	Hùng Sơn	2	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1				
50	Bình Minh	2	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1		1			
51	Phủ Lâm																															1
52	Hải Bình	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1			1
53	Hải Châu																															1
	Thiệu Hóa		2		2			2	2	2	2			2	2	2	2	2	2	1	1		2	2	2		2	2	2	1	1	
54	Thiệu Thành		1		1			1	1	1	1			1	1	1	1	1	1				1	1	1		1	1	1	1		
55	Thiệu Vận		1		1			1	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1		1	1	1			
56	Thiệu Lý																															1
	Triệu Sơn	2	3	3	2			3	3	3	3	3	1	3	3	3	2	3	2	3	3	1	3	1	1	1	3			3	3	
57	Thọ Phú	0	1	1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		1	1		1		1		1			1	1	
58	Nông Trường	2	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1			1			1		
59	Bình Sơn		1	1				1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1			1	1	
60	Xuân Thọ																															1
	Yên Định	4	5		4	5	5	5	5	5	5	5	4	3	5	5	5	4	5	5	5	5	5	2	2		5	5		1	3	
61	Yên Hùng	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1				
62	Yên Ninh	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1				
63	Định Tăng		1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1		1		
64	TT Nông trường		1		1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1		1	1			1	
65	TT Quán Lào		1			1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1		1		1	1				
66	Yên Trường																															1
67	Yên Lâm																															1
	Vĩnh Lộc																															2
68	Vĩnh Phúc																															1
69	Vĩnh Quang																															1
	Ngọc Lạc																															3
70	Nguyệt An																															1
71	Lam Sơn																															1
72	Kiên Thọ																															1
	Bá Thước	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1	1	2	
74	Tân lập	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1			
75	Cô Lũng																															1
76	Vân Nho																															1
	Cầm Thủy																															3
77	Cầm Thành																															1

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
78	Cầm Tân																														1	
79	Cầm Quý																														1	
	Thạch Thành																														3	
80	Thạch Sơn																														1	
81	Thành Long																														1	
82	Thành Trục																														1	
	Quan Hóa																														2	
83	Nam Xuân																														1	
84	Trung Sơn																														1	
	Quan Sơn																														2	
85	Tam Thanh																														1	
86	Trung Thượng																														1	
	Mường Lát																														2	
87	Mường Chanh																														1	
88	Tam Chung																														1	
	Như Xuân																														2	
89	Hòa Quý																														1	
90	Cát Văn																														1	
	Như Thanh																														3	
91	Phượng Nghi																														1	
92	Cán Khê																														1	
93	Xuân Du																														1	
	Thường Xuân																														2	
94	Vạn Xuân																														1	
95	Xuân Cao																														1	
	Lạng Chánh																														2	
96	Giao Thiện																														1	
97	Yên Thắng																														1	
	Tổng số	50	36	24	27	25	26	35	33	35	36	34	22	34	33	36	34	34	34	31	35	26	36	14	20	2	25	16	8	15	62	
	Đơn giá (VNĐ)	4.150	1.820	1.700	3.500	1.260	1.225	3.650	1.650	1.640	225	520	1.100	730	745	730	8.100	3.840	3.090	2.910	7.500	4.900	1.700	3.200	4.200	33.000	550	520	1.850	3.300	271.200	
	Thành tiền (VNĐ)	207.500	65.520	40.800	94.500	31.500	31.850	127.750	54.450	57.400	8.100	17.680	24.200	24.820	24.585	26.280	275.400	130.560	105.060	90.210	262.500	127.400	61.200	44.800	84.000	66.000	13.750	8.320	14.800	49.500	16.814.400	18.984.835

Phụ lục 2: DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRANG BỊ CHO CÁC TRUNG TÂM Y TẾ

GIẢI ĐOẠN 2017-2018

(Kèm theo Quyết định số: 3534/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị sử dụng
1	Máy đốt cỏ từ cung	Cái	7	135	945	TTYT Sầm Sơn (1) TTYT Ngọc Lặc (1) TTYT Tĩnh Gia (1) TTYT Hoằng Hóa (1) TTYT Hà Trung (1) TTYT Nông Cống (1) TTYT Bá Thước (1)
2	Máy lọc nước siêu sạch	Cái	1	310	310	TT Kiểm Nghiệm (1)
3	Máy quay Camera KTS	Cái	1	284	284	TTTT GDSK tỉnh
4	Kính hiển vi hai mắt	Cái	8	44	351	TTYT Sầm Sơn (1) TTYT Quảng Xương (1) TTYT Ngọc Lặc (1) TTYT Thành phố (1) TTYT Hoằng Hóa (1) TTYT Hà Trung (1) TTYT Nông Cống (1) TTYT Thiệu Hóa (1)
5	Máy phân tích huyết học tự động	Cái	8	295	2.360	TTYT Sầm Sơn (1) TTYT Bìn Sơn (1) TTYT Hà Trung (1) TTYT Tĩnh Gia (1) TTYT Hoằng Hóa (1) TTYT Thiệu Hóa (1) TTYT Như Thanh (1) TTYT Nga Sơn (1)
Tổng cộng					4.250	